

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY
BẮC
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 11-4-2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC - TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Nhớ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Vui
2. Bà Đỗ Thị Thuý Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Trọng Thế - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc công khai xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 36/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2025 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 17/3/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1982; Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Chị Đỗ Thị H, sinh năm 1985; Hộ khẩu thường trú: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre. Địa chỉ hiện nay: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Tất cả các đương sự được triệu tập đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12/8/2024 và các lời trình khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

Anh và chị Đỗ Thị H do tìm hiểu, quen biết, tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã T ngày 07/12/2009. Sau kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022, khi chị H mang thai cháu Như Ý thì mất hạnh phúc do anh nghi ngờ chị H có quen biết với người đàn ông khác bên ngoài nên vợ chồng không còn tình cảm, từ đó dẫn đến vợ chồng không còn hoà hợp nhau nữa. Vợ chồng cũng chính thức sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có gặp gỡ cùng chăm sóc các con chung nhưng không có hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh xin được ly hôn với chị H do không còn tình cảm vợ chồng. Hiện anh làm tài xế lương mỗi tháng bình quân 8.000.000 đồng.

Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Đỗ Tường V, sinh ngày 03/4/2017, Nguyễn Khoa D, sinh ngày 19/6/2010 và Nguyễn Như Ý, sinh ngày 26/10/2022, hiện các con đang sống chung với chị H. Sau khi ly hôn nếu V và D theo anh thì anh nuôi, nếu theo chị H thì chị H nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi 02 con mà có tiền bao nhiêu anh nuôi con bấy nhiêu (từ trước đến nay D và Ý mỗi tháng anh thường chi khoảng 1.500.000 đồng/01 cháu để cho cháu sinh hoạt học hành); Đối với cháu Ý do còn nhỏ nên anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi con, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu Ý mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến khi cháu Ý tròn 18 tuổi; tài sản chung và nợ chung anh L trình bày không có.

Tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bị đơn chị Đỗ Thị H trình bày: Chị thống nhất lời trình bày của anh L về điều kiện thành hôn, quá trình đăng ký kết hôn cũng như thời gian chung sống là đúng. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022, khi chị mang thai cháu Ý thì vợ chồng mất hạnh phúc do anh L nghi ngờ chị có quen người đàn ông khác bên ngoài. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng vẫn thường gặp gỡ cùng lo cho con chung nhưng không có bàn bạc hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện tại chị cũng không có phương hướng hay giải pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh L. Nay nếu anh L kiên quyết ly hôn, Tòa án chấp nhận thì chị cũng phải chấp nhận mặc dù chị không muốn ly hôn vì mong muốn các con có đủ cha, đủ mẹ.

Về con chung: có 03 con chung tên Nguyễn Đỗ Tường V, sinh ngày 03/4/2017, Nguyễn Khoa D, sinh ngày 19/6/2010 và Nguyễn Như Ý, sinh ngày 26/10/2022, hiện các cháu đang sống chung với chị. Sau khi ly hôn nếu V và D theo chị thì chị nuôi, do Như Ý còn nhỏ nên chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Hiện chị làm nghề may và buôn bán nhỏ mỗi tháng thu nhập khoảng 5.000.000 đồng, ở nhà thuê nên không đủ tài chính nuôi các con. Tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật từ khi thụ lý đến xét xử; nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn L đối với chị Đỗ Thị H. Về con chung: Chị H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Đỗ Tường V, sinh ngày 03/4/2017, Nguyễn Khoa D, sinh ngày 19/6/2010 và Nguyễn Như Ý, sinh ngày 26/10/2022 hiện đang sống với chị H, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con 1.500.000 đồng/01 tháng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Về chia tài sản khi ly hôn: anh Nguyễn Văn L và chị Đỗ Thị H trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân; Bị đơn chị Đỗ Thị H có địa chỉ cư trú hiện sinh sống và có mặt tại xã T, huyện M nên căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Về nội dung: Xét yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn L đối với chị Đỗ Thị H, thấy rằng: Về hôn nhân: Anh L và chị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm các điều kiện kết hôn nên hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh L cho rằng sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng năm 2022, khi chị H mang thai cháu Như Ý thì mất hạnh phúc do anh nghi ngờ chị H có quen biết với người đàn ông khác bên ngoài nên vợ chồng không còn tình cảm, từ đó dẫn đến vợ chồng không còn hoà hợp nhau nữa. Vợ chồng cũng chính thức sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân vợ chồng có gặp gỡ cùng chăm sóc các con chung nhưng không có hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay anh xin được ly hôn với chị H do không còn tình cảm vợ chồng. Phía chị H thì cho rằng sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2022, khi chị mang thai cháu Ý thì vợ chồng mất hạnh phúc do anh L nghi ngờ chị có quen người đàn ông khác bên ngoài. Vợ chồng chính thức sống ly thân từ năm 2022 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân vợ chồng vẫn thường gặp gỡ cùng lo cho con chung nhưng không có bàn bạc hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện tại chị cũng không có phương hướng hay giải pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh L. Nay nếu anh L kiên quyết ly hôn, Tòa án chấp nhận thì chị cũng phải chấp nhận mặc dù chị không muốn ly hôn vì mong muốn các con có đủ cha, đủ mẹ.

Hội đồng xét xử thấy rằng: hôn nhân của anh chị xuất phát từ nền tảng tình yêu, lẽ ra trong thời gian chung sống anh chị phải tin tưởng lẫn nhau và khi có mâu thuẫn xảy ra anh chị phải cùng nhau tìm cách khắc phục những hạn chế, khuyết điểm của bản thân nhằm xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc. Mặt khác, từ khi sống ly thân đến nay anh chị thường xuyên gặp gỡ nhưng không hàn gắn tình cảm vợ chồng, tại phiên tòa anh chị cũng không đưa ra giải pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng điều đó chứng tỏ anh chị bỏ mặc nhau, không còn yêu thương nhau nữa. Nay anh L kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn do không còn tình cảm vợ chồng với chị H và điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị là đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn L đối với chị Đỗ Thị H là có căn cứ.

Về con chung: trong thời gian chung sống, anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Đỗ Tường V, sinh ngày 03/4/2017, Nguyễn Khoa D, sinh ngày 19/6/2010 và Nguyễn Như Ý, sinh ngày 26/10/2022, hiện các con đang sống chung với chị H. Anh L cho rằng sau khi ly hôn nếu V và D theo anh thì anh nuôi, nếu theo chị H thì chị H tự nuôi, anh không cấp dưỡng nuôi 02 con mà có tiền bao nhiêu anh nuôi con bấy nhiêu vì hiện tại mỗi ngày anh vẫn góp tiền nuôi các con; anh đồng ý để chị H nuôi cháu Ý và đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.200.000 đồng cho đến khi

cháu Ý tròn 18 tuổi. Chị H cho rằng sau khi ly hôn nếu V và D theo chị thì chị nuôi và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi mỗi người con là 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi các con chung tròn 18 tuổi. Đối với Như Ý do còn nhỏ nên chị yêu cầu được nuôi con, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi giải quyết việc ai là người trực tiếp nuôi con sau khi cha mẹ ly hôn phải xem xét “*quyền lợi về mọi mặt của con*” quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình tức là phải đánh giá khách quan, toàn diện các tiêu chí như: điều kiện, khả năng của cha mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, bao gồm cả khả năng bảo vệ con khỏi bị xâm hại, bóc lột; gần bó, thân thiết; quan tâm của cha, mẹ đối với con; nguyện vọng của con được ở cùng với anh chị em, cha hoặc mẹ để bảo đảm ổn định tâm lý và tình cảm của con trẻ. Do đó, đối với Cháu V và D đều thể hiện nguyện vọng được sống với chị H khi Tòa án lấy ý kiến cháu. Bên cạnh đó, chị H đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Để đảm bảo sự ổn định, hạn chế sự xáo trộn môi trường sống, giáo dục của con Hội đồng xét xử xét thấy để 03 người con đều do chị H tiếp tục nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật.

Xét về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con và việc yêu cầu cấp dưỡng cho con là nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con nay chị H yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi là hoàn toàn phù hợp quy định của pháp luật. Bởi lẽ, nghĩa vụ cấp dưỡng của cha, mẹ đối với con chưa thành niên, kể cả con đã thành niên không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình phát sinh kể từ thời điểm cha, mẹ không sống chung. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ buộc anh L phải cấp dưỡng nuôi 03 người con chung.

Xét về mức cấp dưỡng: Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận nhưng do các bên không thỏa thuận được mức cấp dưỡng đối với cháu Ý cũng như anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi cháu V và D là không phù hợp quy định pháp luật. Hội đồng xét xử quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng (3.450.000 đồng/tháng) tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Anh L cho rằng thu nhập hàng tháng của anh khoảng 8.000.000 đồng, mỗi tháng anh lo cho V và D khoảng 1.500.000 đồng cho mỗi cháu. Như vậy, có căn cứ buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu V và D mỗi tháng 1.500.000 đồng/cháu là phù hợp khả năng thực tế của anh. Đối với Như Ý anh L đồng ý tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 1.200.000 đồng là không phù hợp với quy định của pháp luật (tức là chưa được $\frac{1}{2}$ mức lương tối thiểu vùng). Tuy nhiên, việc chị H yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi mỗi người 2.000.000 đồng cũng không phù hợp với tình hình và khả năng thực tế của anh L vì ngoài nuôi sống bản thân anh L còn phải cấp dưỡng nuôi V và D nên mức cấp dưỡng đối với Như Ý cũng 1.500.000 đồng/tháng là hoàn toàn phù hợp với quy định của khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình, khoản 2 Điều 7 của Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 hướng dẫn

một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

Về chia tài sản khi ly hôn: Anh Nguyễn Văn L và chị Đỗ Thị H trình bày tài sản chung và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không đề cập.

Về án phí:

Buộc anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Buộc anh Nguyễn Văn L phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 hướng dẫn một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn L.

Anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Đỗ Thị H.

2. *Về con chung:* Chị Đỗ Thị H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi 03 con chung tên Nguyễn Đỗ Tường V, sinh ngày 03/4/2017, Nguyễn Khoa D, sinh ngày 19/6/2010 và Nguyễn Như Ý, sinh ngày 26/10/2022, hiện các con đang sống chung với chị H, anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 1.500.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng từ tháng 5/2025 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng: mỗi tháng cấp dưỡng một lần.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình và các luật khác có liên quan. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu

người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. *Về chia tài sản khi ly hôn:* Anh Nguyễn Văn L và chị Đỗ Thị H trình bày tài sản chung, nợ chung không có nên không đề cập.

4. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:*

Anh Nguyễn Văn L phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0006773 ngày 18/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre nên không còn phải nộp thêm.

Buộc anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ chịu án phí cấp dưỡng số tiền 300.000 đồng.

5. *Về quyền kháng cáo và thi hành án:*

Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc (2b);
- Chi Cục THADS huyện Mỏ Cày Bắc (1b);
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Tân Thanh Tây, ĐKKH số 50, ngày 07/12/2009 (1b);
- Lưu:Hồ sơ, VP (2b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoài Nhớ

